TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2019/DS-ST
Ngày: 07-8-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng vận chuyển.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình

2. Bà Lê Thị Kim Em

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST-DS ngày 29/3/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐST- DS ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Vĩnh L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số v Khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh P, sinh năm 1968 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số b đường B, khu phố BB, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

(Theo giấy ủy quyền số ngày 07/3/2019 được Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu chứng thực số 0780, quyển số 01/SCT/CK,ĐC, ngày 07/3/2019).

Bị đơn: Công ty TNHH I (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà số v, đường R, lô C, khu dân cư S, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH dịch vụ vận tải L

Địa chỉ: 11/4 khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Vĩnh Phú Cường, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 của nguyên đơn ông Lưu Vĩnh L và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ khoảng cuối năm 2017 đến tháng 11 năm 2018 do quen biết và nên ông L và Công ty TNHH I có thỏa thuận ông L sẽ vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH I. Theo đó ông L đưa xe tải của mình mang biển số 61C 146.319 để trực tiếp vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH I (Chi nhánh tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương), hàng tháng hai bên đối chiếu công nợ, xuất hóa đơn để Công ty TNHH I thanh toán phí vận chuyển cho ông L. Nhưng do ông L là cá nhân nên không có hóa đơn tài chính vì vậy có nhờ người quen ông Bùi Vĩnh Phú Clà Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ vận tải L có địa chỉ tại số 11/4, khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương hỗ trợ thực hiện công việc đối chiếu công nợ và xuất hóa đơn theo yêu cầu của phía Công ty TNHH I. Trong thời gian thực hiện công việc vận chuyển (chở thuê) hàng hóa cho Công ty TNHH I ông L và Công ty TNHH dịch vụ vận tải L xuất nhiều hóa đơn cho Công ty TNHH I gồm 0000451; 0000462; 0000491; 0000582; 0000602; 0000603; 0000604; 0000629 và 0000643 để Công ty TNHH I thanh toán cước vận chuyển cho ông L nhưng phía Công ty TNHH I trì hoãn không thanh toán.

Nên ngày 30/10/2018 ông L và Công ty TNHH dịch vụ vận tải L lập Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 30/10/2018 thì Công ty TNHH I với tổng cộng số tiền 408.857.900 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm đồng). Ngày 06/11/2018 Công ty TNHH I xác nhận nợ cước vận chuyển bằng Thông báo số 02/11/2018-TB-INP về kế hoạch thanh toán công nợ. Cụ thể như sau:

STT	SỐ HÓA ĐƠN	NGÀY XUẤT HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN	NGÀY HẸN THANH TOÁN	GHI CHÚ
1	0000451	11.01.18	46.722.500	30/11/18	
2	0000462	31.01.18	50.330.500		
3	0000491	28.02.18	21.228.900	31/12/18	
4	0000582	18.06.18	52.795.600		
5	0000602	11.07.18	55.501.600	31/01/19	
6	0000603	13.07.18	57.505.800	28/02/19	
7	0000604	18.07.18	38.561.600	31/03/19	
8	0000629	27.08.18	44.532.400	29/04/19	
9	0000643	18.09.18	41.679.000	31/05/19	
TỔNG CỘNG			408.857.900 (VN đồng)		

Nhưng Công ty TNHH I không thanh toán nợ đúng hạn mà đến ngày 04/12/2018 Công ty TNHH I mới thanh toán cho ông L số tiền 97.053.000 đồng (chín mươi bảy triệu không trăm năm mươi ba nghìn) và không thanh toán các đợt kế tiếp theo như Thông báo. Như vậy Công ty TNHH I còn phải thanh toán cho ông L số tiền còn lại là 311.804.900 đồng (ba trăm mười một triệu tám trăm lẻ bốn nghìn chín trăm đồng). Nên ông L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH I trả nợ.

Ngày 14/3/2019 ông L gửi đơn khởi kiện tại Tòa án yêu Công ty TNHH I phải thanh toán cho ông L số tiền 311.804.900 đồng. Sau đó ông L tìm gặp Giám đốc Công ty TNHH I và hai bên đối chiếu lại công nợ thì được biết ngày 01/02/2019 Công ty TNHH I có thanh toán tiếp cho ông L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) chuyển qua tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L theo báo cáo công nợ ngày 09/3/2019 của Công ty TNHH I. Ngày 29/3/2019 ông L có tờ tường trình gửi Tòa án xác nhận Công ty TNHH I còn nợ ông số tiền 261.804.900 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng).

Ngày 04/6/2019 Công ty TNHH I đã chuyển trả tiếp cho ông L qua tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L số tiền 61.804.900 đồng. Ngày 25/6/2019 ông Bùi Vĩnh Phú Cgiám đốc Công ty TNHH dịch vụ vận tải L đã giao trả số tiền 61.804.900 đồng cho ông L theo biên bản giao nhận chứng cứ ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7 và theo giấy nhận tiền ngày 25/6/2019 giữa ông L và ông Cường.

Và tính đến ngày hòa giải 25/6/2019 bị đơn Công ty TNHH I đã trả cho ông L số tiền 208.857.900 đồng, còn nợ ông L số tiền cước vận chuyển là 200.000.000 đồng (408.857.900 đồng - 208.857.900 đồng).

Bị đơn Công ty TNHH I vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH dịch vụ vận tải L có ông Bùi Vĩnh Phú Cđại diện theo pháp luật trình bày trong biên bản hòa giải và bản tự khai như sau: Ông Cường xác nhận có việc cho ông L nhờ tài khoản của TNHH dịch vụ vận tải Lê Khang để Công ty TNHH I chuyển trả tiền cho ông L như lời trình bày của ông L là đúng. Khi Công ty TNHH I chuyển tiền qua tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L để trả cho ông L, ông Cường sẽ trả lại tiền cho ông L (hiện nay ông Cường đã trả đủ số tiền cho ông L) và sau này nếu có tiền của Công ty TNHH I chuyển trả cho ông L vào tài khoản của công ty ông Cường, ông Cường có trách nhiệm sẽ thông báo cho ông L đến nhận tiền.

Do ông Cường hiện nay cư trú tại tỉnh Bình Dương nên ông Cường xin vắng mặt tại các buổi làm việc khác của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến tại

phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Vĩnh L yêu cầu bị đơn Công ty TNHH I trả số tiền vận chuyển còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp về hợp đồng vận chuyển tài sản". Do bị đơn Công ty TNHH I có trụ sở tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét xử vắng mặt các đương sự: Công ty TNHH I đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH I.

Ông Lê Minh P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa do bận công tác nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Minh P.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L là ông Bùi Vĩnh Phú Ccó yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Vĩnh Phú Cường.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Thông báo số 02/11/2018-TB-INP, ngày 06/11/2018 về kế hoạch thanh toán công nợ của Công ty TNHH I với Công ty TNHH dịch vụ vận tải L cho thấy giữa ông L và Công ty TNHH I có thỏa thuận thông qua tài khoản của bên thứ ba là Công ty TNHH dịch vụ vận tải L để ông L vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH I, có cơ sở để xác định giữa ông L và Công ty TNHH I có thiết lập hợp đồng vận chuyển tài sản theo quy định tại Điều 530 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hình thức của hợp đồng được giao kết bằng lời nói là phù hợp theo

quy định tại Điều 531 Bộ luật Dân sự năm 2015 về hình thức của hợp đồng vận chuyển tài sản.

Cũng theo Thông báo ngày 06/11/2018 thì, Công ty TNHH I thừa nhận đã thuê ông L vận chuyển hàng hóa từ ngày 11/01/2018 đến ngày 18/9/2018 với tổng số tiền cước vận chuyển là 408.857.900 đồng. Ngày 04/12/2018 Công ty TNHH I đã chuyển trả cho ông L qua tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L số tiền 97,035,000 đồng; Ngày 01/02/2019 Công ty TNHH I có thanh toán tiếp cho ông L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo báo cáo công nợ ngày 09/3/2019 của Công ty TNHH I; Ngày 04/6/2019 Công ty TNHH I đã chuyển trả tiếp cho ông Lưu Vĩnh L số tiền 61.804.900 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền mà Công ty TNHH I đã trả cho ông L là 208.857.900 đồng. Số tiền này ông L xác nhận đã nhận đủ từ người đại diện của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L là ông Bùi Vĩnh Phú Cường.

Mặc dù trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH I vắng mặt và không cử người đại diện tham gia tố tụng, nhưng qua ba lần thanh toán tiền cho ông L đã thể hiện sự thừa nhận của Công ty TNHH I còn nợ ông L số tiền cước vận chuyển là 200.000.000 đồng (408.857.900 đồng - 208.857.900 đồng). Theo quy định tại Điều 536 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ của bên thuê vận chuyển là trả đủ cước phí vận chuyển cho bên vận chuyển theo đúng thời hạn,… và theo quy định tại Điều 535 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quyền của bên vận chuyển là yêu cầu bên thuê vận chuyển thanh toán đủ cước phí vận chuyển đúng thời hạn. Qua đó cho thấy Công ty TNHH I có nghĩa vụ thanh toán đủ cước phí vận chuyển cho ông L, và ông L có quyền yêu cầu Công ty TNHH I thanh toán đủ cước phí vận chuyển đúng thời hạn cho mình. Nhưng do Công ty TNHH I chưa thanh toán đủ cước phí vận chuyển cho ông L nên ông L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH I thanh toán số tiền cước còn nợ là 200.000.000 đồng là phù hợp quy định của Bộ luật dân sự hiện hành.

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2019, Công ty TNHH I còn nợ ông L số tiền cước vận chuyển là 200.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc Công ty TNHH I có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền cước vận chuyển còn nợ là 200.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu Công ty TNHH I trả tiền lãi.

[2.2] Đối với thỏa thuận giữa ông L và Công ty TNHH dịch vụ vận tải L, ông Bùi Vĩnh Phú Clà người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L xác nhận ông Cường cho ông L mượn tài khoản của công ty mình để Công ty TNHH I chuyển trả tiền cước vận chuyển cho ông L bằng cách chuyển tiền qua tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L, sau đó ông Cường sẽ trả lại tiền cho ông L. Xét, sự thỏa thuận giữa ông L và ông Cường là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Hơn nữa ông Cường đã chuyển trả toàn bộ số

tiền 208.857.900 đồng mà Công ty TNHH I đã chuyển qua tài khoản của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L cho Lương và ông L cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền này, giữa ông L và Công ty TNHH dịch vụ vận tải L không có tranh chấp về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH I phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 530, 531, 535, 536 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Vĩnh L.

Buộc bị đơn Công ty TNHH I có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Lưu Vĩnh L số tiền cước vận chuyển còn nợ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thực hiện chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của Công ty TNHH dịch vụ vận tải L.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Vĩnh Phú C– Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ vận tải L sẽ chuyển trả số tiền mà Công ty TNHH I chuyển trả cho ông Lưu Vĩnh L (nếu có).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu Công ty TNHH I trả tiền lãi.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Công ty TNHH I phải chịu.

Trả lại cho nguyên đơn Lưu Vĩnh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.795.123 đồng (bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn một trăm hai mươi ba

đồng), theo biên lai thu tiền số 0026891 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân